

# Mùi Hương Trầm

Ký sự Nguyễn Tường Bách

## Phần thứ nhất: Dưới chân Hy-mã

### Những bước đầu tiên - Tháng ngày áp ụ - Con sông thiêng - Giấc mơ cẩm thạch - Đèn Birla

Đúng ngày Tết dương lịch 1.1.1989 tôi hăm hở lên đường đi Ấn Độ. Dù lúc đó đã sống hai mươi năm ở nước ngoài, tôi vẫn thấy xa lạ với xứ sở huyền bí này. Ngày xưa dù chưa sống xa nhà, tôi đã có ý niệm về Pháp, về Mỹ, về Canada. Hồi đó tôi đã thích nền văn hóa phương tây, đã yêu văn chương tiếng Pháp, đã biết lối sống Mỹ. Còn Ấn Độ là gì đối với tôi?

Đó là quê hương của Gandhi, một vùng bán đảo rộng lớn với Hy-mã lập sơn, với Hằng hà đầy cát. Tôi biết Ấn Độ chỉ giản đơn như thế, nhưng điều đậm nét trong tôi là, đây là một xứ sở huyền hoặc, hầu như được bọc trong một tấm màn thần thoại. Những tài danh của Ấn Độ mà tôi biết thường là những nhà văn nhà thơ như Tagore hay Krishnamurti, các vị đó xem ra cũng rất huyền bí. Còn các nhà đạo học, dù đó là Phật Thích-ca hay các đạo sĩ, tất cả đối với tôi có tính hoang đường nhiều hơn thực tại. Và dù các vị đó có thật đi nữa thì họ quá cao xa đối với tôi. Lên đường đi Ấn Độ, tôi chỉ là một người Việt Nam làm công cho một công ty sản xuất máy phát điện ở Đức, làm nhiệm vụ mà ngày nay người ta gọi là tiếp thị, có cái vai trò sales manager đi bán một món hàng hết sức trần thế.

Tôi nhớ lại một anh bạn tuổi lớn hơn mình nhiều, anh có tiếng là thầy bói ngoại cảm. Một ngày nọ xa xưa, anh nhìn tôi cười nửa đùa nửa thật: " chú em kiếp trước làm thầy tu bên Ấn Độ ". Tôi nghe xong lòng không lấy gì thú vị, làm vua chúa thì may ra. Không, làm sao tôi mà là thầy tu được, tôi còn ham rượu thịt, còn ham vui chơi. Tôi càng không phải là người Ấn Độ, nếu không sống tại Việt Nam, tôi chỉ thích sống ở châu Âu văn minh và cổ kính.

Máy bay từ châu Âu đến Delhi thường hạ cánh lúc nửa đêm, giờ địa phương. Ngày đó là ngày Pan Am còn là một hãng hàng không uy tín của Mỹ, cạnh tranh với Lufthansa của Đức tranh nhau chở khách đi Ấn Độ. Thời đó tôi chưa hiểu sao có nhiều khách đi Ấn Độ, khách làm ăn có, khách du lịch có. Ngày đó tôi đâu biết, đó là một thị trường khổng lồ cho dân làm ăn và một lịch sử vô song cho người du lịch. Ở sân bay Delhi ở Ấn Độ một thứ mùi nửa lạ nửa quen làm tôi chú ý. Mùi này hai mươi năm qua tôi chưa từng hít thở lại. " Eau de javel " ! Thì ra cái thứ mùi để chùi rửa vệ sinh trong những ngày xa xưa trong thời thơ ấu của tôi nay vẫn được sử dụng tại sân bay quốc tế này. Mùi này tôi đã quên rất lâu, xứ Đức không có, Việt Nam ngày nay cũng không, không ngờ nơi đây vẫn thông dụng. Ngày nay mỗi lần đến Ấn Độ tôi đều chuẩn bị để hít thở mùi này, thứ mùi gây cho tôi cảm giác vừa khó chịu vừa dễ chịu. Khó chịu là chỉ những nơi dơ bẩn ta mới biết đến nó và dễ chịu là sự yên tâm dù sao cũng có ai lo cho sự vệ sinh ở đây.

Tôi ngồi gọn trong ghế bành nghe người ta nói tiếng Anh. Đồng nghiệp người Đức của tôi nói tiếng Anh rất dễ nghe, có lẽ thứ tiếng Anh của tôi cũng có cái giọng như thế. Đó là một thứ tiếng Anh giọng Đức, thứ tiếng Anh hay bị chê cười trên thế giới. Người ta gọi đó là tiếng Anh của Kissinger vì nhà chính trị này sinh tại Đức, sống lâu ở Mỹ nhưng vẫn nói thứ giọng quê mùa này. Còn tiếng Anh của Ấn Độ là một thứ tiếng Anh lạ lùng, tôi nghe không hiểu gì cả. Tôi nhớ mình thích tiếng Anh của người Hồng Kông vì tiếng Anh của họ dễ hiểu, thanh quản và phát âm của họ xem ra giống của tôi. Tôi vốn sợ thứ tiếng Anh của người Úc và của người Mỹ vì khó hiểu nhưng có đến Ấn Độ mới thấy có thứ khó hiểu hơn. Điều bộ cử chỉ của người Ấn cũng khác, họ hay dùng bàn tay để " minh họa " cho lời nói. Bàn tay của họ cứ lật qua lật lại theo nội dung câu chuyện. Tôi phải làm việc hàng tuần trong cái xứ đầy mùi lạ, tiếng lạ, phòng ốc chật chội này ư?

Văn phòng đại diện của chúng tôi tại Delhi thuộc loại tầm cỡ nhưng phòng ốc hết sức hạn chế. Tại sao người ta thuê tuyển nhiều người như thế, bàn nọ kê sát bàn kia, nhân viên hàng tá làm gì cho hết ngày giờ? Sau này tôi mới biết họ có nhiều người là để giúp việc cho chúng tôi, có những tea boy chỉ chuyên bưng trà rót nước, những công việc mà tại phương tây chúng tôi phải tự làm. Dễ chịu thay. Chỉ sau một ngày, tôi đã nhờ một cô gái đi copy văn bản. Bất ngờ thay, cô ta lắc đầu. Tôi đang tự hỏi tại sao cô này từ chối lời yêu cầu nhã nhặn của mình thì đã thấy cô đã nhậm lẹ cầm giấy tờ chạy đi làm việc. Thì ra cái lắc

đầu của người Ấn Độ chính là cử động gật đầu của ta. Còn khi họ từ chối thật thì đầu họ cũng lắc cũng lắc cách khác. Đối với tôi lúc nào họ cũng lắc đầu cả. Khó hiểu thay, những người Ấn Độ !

Từ văn phòng chúng tôi nhìn ra là công trường Nehru đầy người. Đó là chỗ bán cam bán chuối, bến đợi xe bus, xe hàng rang hạnh nhân đậu phộng, chỗ sửa xe taxi, bến đậu xe " túc-túc ", nơi của khi làm trò... Cuộc sống ở đây xem ra vừa vội vã vừa chậm chạp. Trên công trường Nehru đó hàng trăm người ngồi chơi sười nắng xem ra không có gì làm, hôm nay là một ngày mùa đông. Xung quanh họ là những người ăn mặc hết sức nghiêm túc theo kiểu người Anh đang vội vã ráo bước, họ tìm kiếm điều gì trong xứ sở nghèo nàn này? Về sau tôi biết thêm Ấn Độ là một xứ sở của những hình ảnh đối chọi. Đường sá đầy xe cộ với mùi xăng khét lẹt làm tôi nhớ Việt Nam. Taxi của họ là những chiếc xe nội hóa cũ kỹ với cái tên vang dội "Ambassador" mà bốn bánh xe thường mòn nhẵn làm chúng tôi e ngại, mỗi chuyến đi là một trò chơi ít nhiều rủi ro nhất là khi gặp trời mưa. Thế nhưng đã quen cách đi liêu của mình và thấy đồng nghiệp nhiều năm kinh nghiệm Ấn Độ của tôi cũng chưa có ai mang vết tích gì trên người nên tôi yên tâm tự nhủ đời người có số.

Chỉ vài ngày sau khi đến Ấn Độ người ta đã biết đây là một xứ sở mang nặng đầu óc tôn giáo. Trong taxi tài xế thấp nhang liên tục, họ khẩn cầu một vị thần nào bảo hộ cho họ, cho họ nhiều khách và ít tai nạn. Ngoài đường các đàn bò đi đứng nằm ngồi xem ra rất tự nhiên thoải mái, tài xế lái xe thường rất hấp tấp nhưng khi gặp chúng đều kiên trì chờ đợi, không có một tiếng còi. Ra khỏi Delhi vài cây số là đã xanh một màu cây cối, ở đây cơ man nào là khỉ. Theo người Ấn, chúng là hậu thân đáng thương của đời làm người, là cha mẹ anh em ngày trước, chúng được đối đãi bình đẳng và sống chung với người. Ngày nọ tôi đến làm việc tại một cơ quan chuyên trách " kiểm tra chất lượng " của bộ phận turbine. Đó là một tòa nhà nhỏ nằm trong một khu vườn lầy lội sau cơn mưa. Vừa bước xuống xe, một con heo rừng đâm đầu chạy đến. Tôi vội thót lên xe, đóng cửa đánh rầm. Sau đó hỏi ra nó chỉ là một heo nhà tầm thường nhưng chạy nhảy nhiều quá nên có cái bụng thon của một con heo rừng lực sĩ.

Tại Ấn Độ, thời gian lưu trú nhiều tuần cho phép tôi học nghe tiếng họ nói, học nhìn cách họ làm để giải quyết công việc của mình và khám phá nhiều điều lớn lao hơn. Xuất phát từ một cấu trúc xã hội có tính đẳng cấp, người Ấn Độ rất khó thân cận. Lạ thay, đối với thú vật thì họ gần gũi mà đối với người thì họ xa cách. Hình như mỗi người Ấn Độ khi gặp người khác, việc đầu tiên là họ định nghĩa ai hơn ai, về đẳng cấp huyết thống ai ưu việt hơn ai. Đi Ấn Độ hàng chục lần, tôi kết luận rằng đó là một xứ sở của sự phân biệt giai cấp. Người giàu có thì hờn hĩnh khinh người, người nghèo khổ thì yên phận chịu đựng. Những người mà tôi gặp và làm việc đều là kỹ sư hay thương nhân, họ thuộc thành phần có học và có tiền, trong nội bộ xã hội, họ coi khinh người khác, đối với chúng tôi ở nước ngoài đến thì họ e dè và phức tạp.

Đối với người nước ngoài, người Ấn Độ vừa có mặc cảm tự ty vừa tự tôn. Họ biết rất rõ bán đảo bao la của mình là một cái nôi văn hóa và học thuật của loài người. Cuộc đời của nhiều vĩ nhân nước họ là những bó đuốc soi đường cho hậu thế. Nền văn minh, triết lý và tôn giáo của họ là nền tảng của nhiều nền văn hóa lớn trên thế giới, kể cả của Âu Mỹ và Trung Quốc. Thế nhưng nước họ ngày nay thuộc loại lạc hậu nhất, đời sống dân chúng khốn khổ nhất. Họ có cái đau khổ của một nhà quý tộc khánh kiệt. Cho nên khi một người nước ngoài đứng trước mặt họ, họ lúng túng không thể định nghĩa ai hơn ai kém. Và khi gặp chúng tôi, kẻ đi bán một thiết bị hiện đại, họ càng lúng túng. Vì trình độ kỹ thuật còn non, họ phải đi mua; nhưng vì là khách hàng họ thấy mình được o bế. Thế thì ai hơn ai thua, xem ra họ rất thắc mắc.

## Tháng Ngày Ấp Ủ

Khách sạn cho thương nhân chúng tôi thường là loại năm sao đắt tiền, chúng thường nằm rất xa " nhà dân ". Trước cửa khách sạn thường có một người Ấn Độ rất to khỏe, mặc đồng phục như sĩ quan cao cấp, mỗi khi chúng tôi ra vào, ông lại che mắt chào, giầy sắt đánh cộp. Tôi lấy làm xấu hổ với thứ lễ nghi đẳng cấp dành cho tướng tá đó, cũng chưa thấy châu Á có nơi nào từ Nepal đến Indonesia lại có lối chào khách kiểu đó. Sang trọng như thế nhưng cách đó chưa đầy vài trăm mét, gặp lúc khách sạn đang mở rộng công trình là hàng trăm chiếc lều với hàng ngàn nhân công ăn ngủ tại chỗ để phục vụ dự án. Họ sống một cuộc đời khốn khổ, từ cửa sổ phòng tôi thấy rõ mồn một. Tại Delhi, nơi được xem là Paris của Ấn Độ, vô số con người sống lăm than trong lều bạt, không có chút vệ sinh hay tiện nghi tối thiểu.

Người ta hay cho rằng làm thương nhân như chúng tôi là sung sướng, được đi đây đi đó. Thế nhưng có đi rồi mới biết, thường khi đi công tác nước ngoài thương nhân chỉ biết sân bay, khách sạn, cơ quan của

khách hàng, ngoài ra không biết hơn. Các cuộc thương lượng thường căng thẳng, những tranh cãi vô bổ về một chi tiết không đáng nói thường chỉ làm hao tổn sức lực, mài mòn tâm hồn, chúng dễ làm thui chột những cảm nhận tâm linh lẽ ra phải có khi ta đến những nơi xa lạ, gặp những con người mới mẻ. Tại Ấn Độ, chúng tôi lại càng ít quan hệ với dân chúng. Tại một nơi mà khách sạn như một ốc đảo nằm giữa cảnh đời khốn khổ, thương nhân lại càng ngại ra ngoài. Buổi tối họ chỉ biết uống rượu với nhau cho hết giờ và nội dung câu chuyện cũng lại quanh quẩn về những gì bàn bạc ban ngày. Thế nên con đường đẹp nhất của Delhi là con người dẫn từ khách sạn ra lại sân bay để về nước, con đường mà chúng tôi hay đi lúc nửa đêm vì máy bay về lại châu Âu thường khởi hành lúc gần hai giờ sáng.

Với thời gian, những cuộc làm việc tại Ấn Độ càng lúc càng dài ngày, có lúc chúng tôi phải ở lại vài tuần. Ngày nọ có vài đồng nghiệp tổ chức đi thăm Simla trên Hy-mã Lạp sơn, rủ tôi theo. Tôi mừng như bắt được vàng. Ôi, đời tôi mà được đi núi Hy-mã sao?

Hy-mã Lạp sơn đối với tôi hầu như huyền thoại, tất cả những gì liên quan tới đó đều là chuyện thần thoại. Đó là một nơi hẻo lánh xa xôi đầy tuyết trắng không người lui tới, nơi đó phải là trú xứ của thánh thần. Tôi không biết mình ở Delhi, gần như cực bắc Ấn Độ, rất gần núi Hy-mã. Dĩ nhiên Hy-mã ở đây chưa vội phải là đỉnh Everest cao hơn tám ngàn mét, và chuyến đi sáng đi tối về từ Delhi cho thấy đây chỉ có một triển núi con con của núi Hy-mã và đi bằng đường xe hơi thì nhất định cũng không thể lên cao. Mà như thế có lẽ cũng đủ rồi vì tôi lẫn các đồng nghiệp của mình đâu phải là dân leo núi, chúng tôi chỉ là du khách đi thăm Hy-mã Lạp sơn một cách thoải mái và lười biếng. Tôi đoán mò như thế, không biết rằng mình sẽ đến Simla, thủ phủ của bang Himachal Pradesh, thủ đô mùa hè của những người Anh đi chiếm thuộc địa ngày xưa.

Vẫn là chiếc "Ambassador" nội địa bốn bánh mòn nhẵn đến chỗ chúng tôi đi Hy-mã Lạp sơn ! Tôi ái ngại thấy mấy người Đức to khỏe vô ngồi trong xe, chiếc xe này mà chở chúng tôi lên cao hơn sáu ngàn năm trăm bộ, tức gần hai ngàn mét sao. Xe chạy băng băng lên hướng bắc, cảnh vật làm tôi nhớ Việt Nam. Ấn Độ đâu phải chỉ là Delhi ô nhiễm, đất nước này xinh đẹp biết bao. Về sau tôi đến nhiều lần vùng Bắc Ấn, đây là một vùng đất thiêng. Hiện nay vị Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 đang sống nơi đây. Trong những năm năm mươi của thế kỷ này, đây cũng là chỗ ẩn cư của hai nhà học giả phương Tây trứ danh Govinda, Evans-Wentz. Trước đó mười hai thế kỷ, vùng rừng núi miền Bắc Ấn này đã ghi dấu chân của nhiều lữ hành trong đó có Huyền Trang, nhà dịch kinh xuất chúng đời Đường của Trung Quốc. Mãi nhiều năm về sau tôi mới biết rõ miền Bắc Ấn này là chỗ hoạt động của một vĩ nhân của loài người tên gọi là Thích-ca mâu-ni và mình sẽ lên đường tìm lại bước chân của người ấy. Nhưng đó là chuyện về sau của sách này.

Trên đường đi qua miền Bắc Ấn ở đâu ta cũng thấy một màu xanh thuần tịnh và êm dịu. Các vạt mía mọc tràn lan nhắc tôi nghĩ đến các tỉnh miền trung Việt Nam, các hồ đầy sen trắng làm tôi nhớ đường sông đi vào chùa Hương ở miền bắc. Những chiếc xe bò lộc cộc gỗ đường làm tôi tưởng thời gian như ngừng trôi kể từ mấy thế kỷ qua.

Chiếc xe vững vàng leo núi làm tôi dần dần bớt thành kiến với nền công nghiệp ô-tô Ấn Độ. Nhìn xuống hang sâu vực thẳm, kể có kinh nghiệm đi đèo Hải Vân từ bé như tôi cũng thấy ớn lạnh. Không ai dám nói gì với ông tài xế, ông hãy cứ thấp nhang đi trong chiếc taxi của mình, mùi nhang này không còn làm tôi thấy khó chịu nữa. Các vị thần Ấn Độ giáo cứu độ ông chắc hẳn cũng không hẹp hòi từ chối mấy người phương tây và một người Việt Nam ngoại đạo.

Lên đến nơi chúng tôi mới hay Simla không hề là một chỗ đèo heo hút gió mà là một thành phố giàu sang nằm trên một dải đất bằng dài đến 12 km, cao hơn 2200m, trên sườn tây bắc của một chân núi Hy-mã. Thì ra đây là một nơi nghỉ mát mà những người Anh khôn ngoan ngày xưa đã xây cất để tránh cái nóng khủng khiếp của Ấn Độ trong mùa hè. Năm 1822 đã có một viên đại tá tên là Kennedy tìm đến đây và xây một ngôi nhà nghỉ mát và sau đó Simla trở thành chỗ lui tới cho giới quý tộc người Anh và Ấn. Chỗ này chắc hẳn cũng như Đà Lạt của Saigon xưa, dành cho giới thượng lưu thời đó. Khí hậu ở đây quả nhiên hết sức dễ chịu, chỉ mới mấy tiếng mà tôi đã quên Delhi bị vây bọc trong bụi bặm và khốn khổ. Đi bộ trên những con đường ngược dốc ngược lên cao, chúng tôi tìm đến những vị trí đặc biệt, vị trí có thể ngắm nhìn những đỉnh núi trên bảy ngàn mét.

Đây chính là vùng mà Huyền Trang rời cao nguyên Kashmir xuống đồng bằng Ấn Độ, sau khi băng qua sa mạc Gobi và đường phía bắc núi Thiên sơn, nhắm hướng " Tây Vực " mà đi. Và mười hai thế kỷ trước, Huyền Trang cũng từ đây mà xuống đồng bằng, nếm mùi cái nóng Ấn Độ mà ông gọi là " trời nóng như thiêu " trong Đại Đường Tây Vực ký. Ngày xưa Huyền Trang hẳn đã ngắm nhìn những đỉnh tuyết trắng của dãy Hy-mã mà quê hương Lạc Dương của ông không hề có.

Tại Simla, ngắm nhìn những đỉnh núi tuyết, lần đầu tiên tôi bị một một chấn động tâm linh. Núi trắng xóa hiện ra rực rỡ dưới ánh mặt trời. Làm sao tả được những đỉnh núi? Núi gây cho tôi một ấn tượng uy nghi, xa cách nhưng nhân hậu. Đỉnh núi thuần tịnh màu tuyết trắng - cũng như ánh mặt trời rực rỡ - chiếu rọi không phân biệt cho những ai hướng về nó. Núi vương giả nhưng không chút kiêu mạn, núi chào đón nhưng không vồn vã, núi đứng đợi con người đến với mình. Thế nhưng những ngọn núi cũng có sự khác biệt. Nói như Govinda, mỗi ngọn núi có một " nhân cách " và mỗi ngọn núi thiêng đều có thần. Trong " Con đường mây trắng " Govinda viết:

*"Muốn nhận rõ kích thước một ngọn núi ta phải đứng ra xa nó; để thấu nhận dạng nó vào lòng ta phải đi quanh nó; để hiểu vui buồn của nó ta phải biết quan sát nó trong mọi thời khắc của ngày của năm: lúc mặt trời mọc và lặn, giữa trưa và trong sự tĩnh lặng nửa đêm, trong những ngày mưa tối và dưới bầu trời xanh, trong tuyết mùa đông và giữa những cơn bão. Ai biết ngọn núi theo cách này, người đó sẽ đến gần với tính cách của nó, nó có tự tính sống động và đa dạng như của con người "*

Và theo Evans-Wentz, người đã sống rất lâu dưới chân Hy-mã lập sơn thì dãy núi dài trên 24.000 km này có gần chục ngọn núi thiêng và sự việc châu Á là gốc của mọi ánh sáng minh triết " không hề là một sự ngẫu nhiên. "

Vùng này là cực bắc Ấn Độ, giáp giới Trung Quốc. Những người cùng đi với tôi dơ tay giới thiệu ngọn này ngọn kia cao bao nhiêu mét, chúng còn nằm trong địa phận Ấn Độ hay đã ở phía Trung Quốc. Tôi bỏ ngoài tai câu chuyện biên giới. Không quan trọng gì nó nằm ở đâu, những ngọn núi này đâu phải để con người cai quản. Chúng trường tồn với thời gian, còn biên giới quốc gia có thể vài mươi năm đã thay đổi. Thậm chí các dân tộc có thể biến mất trên hành tinh này nhưng núi non vẫn còn. Hơn thế nữa gốc của núi non là siêu thế gian, những gì chúng xuất hiện cho ta thấy chỉ là một phần rất nhỏ của chúng. Đừng đem chuyện thế gian mà đo lường chuyện siêu thế.

Lần này tôi chưa được thấy Everest nhưng chục năm về sau tôi sẽ thấy. Thế nhưng Everest chưa phải là thiêng liêng nhất vì chiều cao chưa nói lên điều hệ trọng. Cách chỗ tôi đứng ngày đó chưa đầy hai trăm cây số đường chim bay về hướng Đông Bắc có một đỉnh tên gọi là Ngân sơn, chỉ cao 6714 m, nhưng đó là chốn thiêng liêng nhất, là trú xứ của thánh thần, là hiện thân của núi Tu-di trong thế giới vật chất này. Đây là ngọn núi mà cả Ấn Độ Giáo lẫn Phật Giáo xem là quan trọng nhất trong rặng Hy-mã. Đó là ngai vàng của thần Shiva của tín đồ Ấn Độ giáo và là man-đa-la vĩ đại của Phật giáo Tây Tạng. Đỉnh của Ngân sơn chính là trục của vũ trụ siêu hình. Đỉnh này tôi chưa được đến đánh lễ. Liệu đời tôi có ngày đến được nơi đó chăng?

## Con Sông Thiêng

Thương nhân thường có quá ít thời gian, quá ít tâm trí. Họ dành thời gian để tính toán và tâm trí để phàn nàn nguyên rủa. Cuộc sống vốn đã đầy phiền muộn, thương nhân phương Tây đi công tác tại các nước châu Á lại càng gặp lắm vấn đề. Đối tác của họ thì phức tạp, thời tiết thì viêm nhiệt, khách sạn thì chật chội, môi trường thì ô nhiễm. Làm sao họ yêu được đất nước đó mà để tâm tìm hiểu?

Một khi môi trường ô nhiễm thì những con sông là kẻ chịu bất hạnh trước nhất, là chỗ chứa rác khổng lồ. Tại những thành phố lớn như Hồ Chí Minh hay Bangkok, kênh rạch là những nơi mà dân chúng còn bịt mũi tránh xa, nói gì đến thương nhân. Đâu mấy ai biết những dòng nước hôi thối đó bắt nguồn từ những ngọn núi xa xôi mà nguồn nước của chúng xanh hơn ngọc, trong vắt không chút bọt nhơ.

Đến Delhi cũng thế, tôi ngán ngẩm thứ bụi vàng đeo bám áo quần, mùi xú uế luôn luôn có mặt trong không khí và mỗi lần qua các cầu bắc ngang kênh rạch, tôi vẫn nhớ đến kinh Nhiêu Lộc trong thành phố của mình cũng không khác bao nhiêu. Thành phố nào hình như cũng xây dựng trên một con sông. Không hẳn như thế. Tôi đã từng đi qua những miền sa mạc mênh mông ở Bắc Phi và đã thấy thế nào là vùng đất khô cằn trên thế giới. Đó là những vùng mà đi hàng trăm cây số người ta không hề thấy bóng dáng một con sông, một dòng rạch, chỉ toàn là cát và cát ngút ngàn. Trước mắt kẻ lữ hành như tôi, chân trời lại chân trời toàn

những cồn cát nổi nhau xuất hiện. Ở vùng đất đó chỉ có loại bụi gai thấp nhỏ là có thể sống, chỉ có loài lạc đà mới chịu nổi cơn khát. Đến một vùng nọ, sau đoạn đường dài đầy cát người ta dẫn tôi cho đi xem " ốc đảo ", chúng là những điểm hấp dẫn của du khách. Trong ốc đảo, người ta hãnh diện chỉ cho thấy một vùng xanh tươi với đậu cải, cam mía, nhất là chà-là. Tôi bỗng nhớ Việt Nam, đó hẳn là một vùng ốc đảo mệnh mông với hàng chục ngàn con sông lớn bé. Châu Á khác Bắc Phi ở chỗ nơi đây trời phú cho nhiều sông, mỗi con sông là suối nguồn của cả một vùng kinh tế và cả một nền văn hóa. Con sông hẳn phải là bà mẹ nuôi dưỡng đời sống nên ngày xưa mới đầu người ta tụ nhau bên bến sông và trải qua bao thế kỷ mà thành phố xá. Thế nhưng con người sớm vô ơn bạc nghĩa với sông, xem sông là nơi tha hồ đổ xả để rồi ngày nay qua sông người ta nặng lời nguyền rủa.



Tôi cũng nguyện rửa mùi xú uế bốc lên từ các kênh lạch tại Delhi. Tôi không biết rằng các kênh lạch đó là những nhánh của sông Yamuna, bắt nguồn từ Hy-mã Lạp Sơn. Trong huyền thoại Ấn Độ, sông **Yamuna** là hiện thân của con gái của thần mặt trời Vivasvat. Nàng con gái Yamuna này lấy người anh sinh đôi của mình là Yama để trở thành cặp tình nhân đầu tiên của loài người. Ngày nay không còn mấy ai biết truyện tình kỳ lạ này nữa, những chiếc cầu bắc qua Yamuna trở thành các trục giao thông với dòng xe cộ chạy hối hả. Ngày nọ, trên một chiếc cầu của Yamuna xe taxi của tôi đi có lẽ đã gây một tai nạn

chết người. Xe đang chạy tự nhiên hư máy đứng lại. Ngồi băng sau nhìn lui tôi thấy một chiếc xe gắn máy từ xa băng băng chạy đến, người lái xem ra không thấy xe hư đang đứng yên trên cầu. Nỗi đau của tôi là thấy sờ sờ tai nạn sắp xảy ra mà không làm gì được. Một tiếng " bụp " khô róc vang lên, người lái xe bay về phía trước để chừng năm bảy mét quần quai trên đường. Mọi người chạy ào tới. Không nói với tài xế một tiếng, tôi mở cửa xách cặp bước ra xe, đi như chạy. Thần Vivasvat hãy cứu độ người đó, còn tôi, tôi phải giữ thân mạng cho mình, lỡ có ai nóng tính hành hung tôi thì sao, dù sao tôi cũng có chút lỗi. Mong thay anh ta không chết, mong thay anh ta đến được sông Hằng mà tắm.

**Sông Hằng** thì ra khá gần Delhi, chỉ cần đi khoảng 60 km là đến. Hằng hà mà người Ấn gọi là Ganga, ngày đến đó tôi không ngờ đời mình có lúc đến thăm con sông thần thoại này. Từ ngày hiểu " hằng hà sa số " là cách nói trong kinh Phật, " nhiều như cát sông Hằng " , tôi gắn liền sông Hằng với Phật và xem đó là một huyền thoại. Đối với tôi, sông Hằng là biểu tượng của Phật giáo Ấn Độ. Ngày xưa tôi có nghĩ đời mình sẽ thấy tháp Eiffel của Pháp nhưng không nghĩ mình sẽ đến sông Hằng. Bởi thế tôi xúc động xiết bao khi tài xế kêu lên " Ganga " . Sông Hằng đây sao? Thật không hời anh lái xe?

Sông Hằng, con sông thiêng chảy từ ngón chân của thần Vishnu, " bị buộc phải rời thượng giới mà đến với trần gian " là đây. Nhưng hằng hà sa số cát bụi, tôi không thấy hạt nào cả. Đoạn này của sông Hằng mà tôi đến thăm lần đầu là thượng nguồn sông Hằng, đó là nơi nước chảy với lưu lượng rất mạnh, hai bên bờ không hề có cát. Nước sông màu xanh lục, trên sông có chỗ nước sôi réo bạc đầu.

Đoạn sông Hằng này là một nơi tấp nập người qua kẻ lại, du khách khá nhiều. Đây được xem là một đoạn sông thiêng nhất, hai bên bờ khá nhiều đền thờ. Và đúng như tôi chờ đợi, tín đồ Ấn Độ giáo tắm gội rất nhiều dù trời đang lạnh. Thú vị thay khi thấy trẻ con bị cha mẹ dội nước lên đầu, chúng run cầm cập. Tôi nhớ thời thơ ấu của mình, chúng tôi cũng run như thế trong mùa đông khá lạnh của miền Trung. Tại sông Hằng, trẻ con miễn cưỡng để dội nước, miệng lầu bầu, còn người lớn xuống sông bơi lội, mặt mày thành khẩn, miệng lâm râm. Hai bên bờ sông người ta xây kè xi măng với hàng chục dây xích sắt để tín đồ níu lại, khỏi bị nước cuốn trôi.



Con sông thiêng này xuất phát từ dãy Hy-mã, nó có tới ba nguồn lớn, chúng chập nhau tại Devaprayag và từ đó mới mang tên Hằng hà. Một nguồn chính của Hằng hà xuất phát từ Gangotri, cao 6771 m. Từ đây đến Devaprayag nhánh này mang tên Bhagirati vì ngày nọ có một vị thánh nhân tên là Bhagirata khẩn cầu con sông của thượng giới hãy hiện xuống cho cõi trần. Vì thế mà có sông Hằng, và vì thế mà sông thiêng liêng " bọc dọc " phải rời thiên giới.



Hằng hà chảy ra đến tận vịnh Bengale, xuyên qua vùng thánh địa Bihar, nơi bao nhiêu thánh nhân ra đời và hoạt động. Huyền Trang Tam Tạng đến sông thăm sông Hằng khoảng năm 630, viết trong Đại Đường Tây Vực ký: " Gần nguồn sông rộng khoảng ba lý, đến cửa sông bề rộng khoảng mười lý. Nước sông xanh đậm, màu nước luôn luôn thay đổi...Ai tắm sông này người đó sẽ được rửa sạch mọi tội lỗi, ai chết ở sông này sẽ được sinh về cõi trời " . Về sau tôi đến Varanasi, đó là một thành phố phồn vinh suốt hai ngàn năm qua, nơi có sông Hằng chảy qua. Nơi đây sông Hằng hết " bọc bọc " , êm đềm hầu như nước không chảy, bề rộng rất lớn, không biết đúng " mười lý " không. Nhưng nơi đây tôi thấy cát, cát nhiều vô tận. Ôi, có phải cát này cũng là cát mà Phật thấy cách đây hai ngàn năm trăm năm không, để có từ " hằng hà sa số " . Chắc đúng thế thôi, khoảng thời gian đó đối với con người là

dài nhưng thẳm vào đâu với núi non đất cát. Hơn thế nữa thời gian hầu như ngừng lại tại Ấn Độ, bên bờ Varanasi người ta vẫn đốt xác, vẫn tắm gội, vẫn thả tro theo sông, vẫn ngồi thiền định khi mặt trời vừa lên. Nơi đây chỉ cách vườn Lộc Uyển chưa đầy chục cây số, chỗ Phật giảng pháp lần đầu. Hỡi các hạt cát dưới chân ta, trong các người hạt nào có hân hạnh in dấu chân đức Thế Tôn?

Hy-mã Lạp sơn không phải chỉ là nguồn của Yamuna và Hằng hà, đó là nguồn của các con sông đầy uy lực của châu Á. Từ vùng Ngăn sơn xuất phát thêm bốn con sông lớn nữa. Đó là Tsangpo hay Brahmaputra chảy về hướng đông ra vịnh Bengale, nó được người Tây Tạng mệnh danh là " chảy từ hàm ngựa " . Nó chảy qua phía nam Lhasa, bọc quanh một đỉnh núi tuyết cao hơn 7700 mét trước khi rời cao nguyên để đi về biển. Phía tây Ngăn sơn là chỗ xuất phát của sông Sutlej, nó được xem từ " miệng voi " . Sutley về sau hợp nhất với sông Indus, một con sông mạnh mẽ chảy về biển Á-rập phía tây Ấn Độ. Indus, được xem từ " miệng sư tử " , cùng với Bramaputra là hai cánh tay khổng lồ ôm bán đảo Ấn Độ. Phía nam Ngăn sơn là chỗ xuất phát của sông Karnali, mang tên từ " miệng chim công " , nó chảy dài đến Patna, hợp nhất với Hằng hà gần đó. Patna ngày xưa tên gọi là Hoa Thị Thành, nơi Phật thường ghé thăm và nơi sinh của hàng chục vị Tắt địa của thế kỷ thứ tám thứ chín sau công nguyên. Bốn con sông lớn đó với bốn linh vật của các vị Thiên Phật là một lễ mà tại sao Ngăn sơn được xem là một man-đa-la vĩ đại, là hiện thân của núi Tu-di trong thế giới này.

Phía đông của cao nguyên Tây Tạng là chỗ xuất phát của nhiều con sông lớn nữa, trong đó có Hoàng Hà, Trường Giang và Cửu Long. Hoàng Hà và Trường Giang là hai con sông trọng yếu nhất của Trung Quốc, dòng chảy của chúng là quê hương của một nền văn hóa thâm hậu nhất của loài người mà về sau tôi sẽ đi thăm. Còn Cửu Long là nguồn sống của nhiều nước miền Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Nếu lấy cao nguyên Tây Tạng làm tâm điểm, vẽ một vòng tròn bán kính chưa đến ngàn cây số thì vòng tròn đó bao gồm tất cả nguồn cội của những con sông nói ở trên. Chỉ điều đó thôi đã gây cho tôi một lòng kính sợ đối với cao nguyên Tây Tạng, " nóc nhà của thế giới " . Đúng, không phải là sự ngẫu nhiên khi ánh sáng của minh triết loài người xuất phát từ vùng đất lạ lùng này. Tôi đã đến Cửu Long giang miền tây nam bộ và từng thấy con nước mãnh liệt của nó. Nguồn của nó không phải tầm thường, dòng sông đó là anh em với Hằng hà, Trường Giang, nó mang khí lạnh của Hy-mã, sức sáng của tuyết trắng, sự uy nghi của non cao, cái bí ẩn của các man-đa-la vô hình. Nếu nó có bị ô nhiễm thì cũng vì con người bạc nghĩa, thế nhưng dù thế nó vẫn nhân hậu sống theo người. Nó vẫn không hề mất tính thiêng liêng của nguồn cội và vì tâm người ô nhiễm nên cảm nhận chúng nhiễm ô. Về sau, tôi còn đến Hằng hà nhiều lần trên bước lữ hành tại Ấn Độ cũng như sẽ có dịp đi dọc Trường Giang qua những vùng linh địa của Trung Quốc. Rồi lại có ngày tôi đã đến cao nguyên Tây Tạng, đi dọc sông Tsangpo chảy từ hàm ngựa và thở hít không khí loãng trên miền đất cao 4000m trong man-đa-la vĩ đại của địa cầu. Một ngày nào đó hy vọng tôi sẽ có dịp đến thượng nguồn Cửu Long, sẽ thấy một màu nước xanh lục như màu nước Hằng hà và sẽ nhớ về miền tây nam bộ của mình.

## Giấc Mơ Cẩm Thạch

Ấn Độ thật ra là một nước du lịch. Mặc dù đường sá kém mở mang, điều kiện vệ sinh hạn chế nhưng nhờ một nền văn minh lâu đời, một nền văn hóa thâm hậu và những công trình kiến trúc xuất sắc mà Ấn Độ hàng năm thu hút hàng triệu khách du lịch. Người đến thăm Ấn Độ, nhất là khách Âu Mỹ phải chấp nhận cái thực tế, đây là một thế giới hoàn toàn khác, tự nó là một thế giới. Tôi chưa đến Calcutta nhưng nhiều

người cho hay, tới đó có nhiều khách phải đâm sợ vì quá nhiều người sống chen chúc và vì sự cách biệt giàu nghèo quá lớn. Có người cho rằng muốn biết địa ngục hình dáng thế nào thì cứ đến Calcutta.

Thế nhưng phần lớn khách du lịch không muốn biết địa ngục, họ đi tìm những lăng tẩm cổ kính, những cung điện huy hoàng, những thành quách vĩ đại của vua chúa trong các thế kỷ trước. Ấn Độ của thời quá khứ không hề thiếu vua chúa, đó là xứ sở của các tiểu vương cai trị nhiều khi không quá "vài vạn nóc nhà", như cách đếm dân ngày xưa hay nói. Vua chúa Ấn Độ cũng không hề dè sẻn trong các công trình xây dựng, họ cần lâu đài cho mùa hè và mùa đông, cho chính hậu và thứ phi, cho con trai và con gái. Dân Ấn Độ thì đông và sẵn sàng chịu đựng, cát đá thì nhiều và dễ khai thác, nhất là loại cẩm thạch trắng. Nghệ nhân Ấn Độ khéo tay, thông minh, ham tưởng tượng và sẵn sàng quên mình cho các vị thần của Ấn độ giáo. Vì những lẽ đó mà các công trình xây dựng của Ấn Độ ở đâu cũng có, ở đâu cũng là những kỳ quan, thu hút rất đông du khách.



Trong các kỳ quan kiến trúc của Ấn Độ, hẳn **Taj Mahal** phải là tiêu biểu và đáng chiêm ngưỡng nhất. May thay Taj Mahal không xa Delhi bao nhiêu, khách có thể theo tour du lịch trong vòng một ngày cả đi lẫn về.

Đây là một kỳ quan diễm tuyệt của nghệ nhân Ấn Độ của thế kỷ thứ 17. Ngôi đền được xây bằng cẩm thạch trắng muốt, có một kiến trúc vừa trang nghiêm vừa nhẹ nhàng, vừa uy nghi vừa nên thơ. Nếu nghệ thuật nói chung là sự vật chất hóa của những ý niệm, biến ý niệm thành những gì thấy được như kiến trúc, hội họa; nghe được như âm nhạc; đọc được như văn chương thơ phú thì nghệ thuật xây dựng Taj Mahal là sự kết hợp hoàn hảo của dạng hình và sắc màu, của kiến trúc vĩ mô và lòng cẩn trọng chi li. Theo lời kể lại thì ngày xưa nghệ nhân Ấn Độ hoàn thành công trình này trong những điều kiện tâm lý rất khe khắc và tàn bạo của chế độ phong kiến. Thế nhưng ngắm nhìn công trình này người ta không thể nghĩ gì khác hơn đây là sự hiến dâng quên mình trong nghệ thuật tạo hình.

Taj Mahal là kết quả của một công trình hoàn hảo của những con người không tên, thế nhưng nó được xem là quà tặng của một nhà vua tên gọi là Shah Jehan cho hoàng hậu của mình chẳng may mất sớm. Shah Jahan là nhà vua thứ năm của triều đại Mogul, mà người sáng lập là Babur, một tín đồ Hồi giáo. Sau Babur thì nhà vua xuất sắc nhất của đời Mogul là Akbar. Akbar là người thống nhất Ấn Độ từ vịnh Á-rập phía tây đến vịnh Bengale phía đông, trị nước từ 1556 đến 1605 và là nhà vua rất có công trong nền văn hóa Ấn Độ. Shah Jehan là cháu của Akbar, lên ngôi trong thời cực thịnh của đời Mogul. Thế nhưng Shah Jehan rơi vào hai thứ đam mê, đó là các công trình kiến trúc và sắc đẹp phụ nữ. Shah Jehan có khoảng 5000 cung nữ mà người ông yêu quý nhất là hoàng hậu Mumtaz Mahal. Bà hoàng này chẳng may mất lúc mới 39 tuổi, sau khi sinh cho ông đứa con thứ 14. Đời của Shah Jehan không còn gì vui thú nữa, ông tự nói và suốt 35 năm sau khi Mumtaz Mahal chết, ông dành hết thời giờ cho các công trình kiến trúc.

Taj Mahal được xây dựng năm 1659 và 16 năm sau mới hoàn thành, gồm toàn đá cẩm thạch trắng. Nơi đây có 20.000 nghệ nhân, kể cả thợ khéo từ Pháp, Ý, làm việc. Khoảng 1000 thợ voi được điều về đây để chuyên chở hàng ngàn tấn đá. Đây là một công trình mà thế giới cho là toàn hảo nhất trong kiến trúc, trong chi tiết thi công và vật liệu xây dựng. Hãy đến gần và nhìn ngắm hàng ngàn chi tiết trên tường vách của điện. Đáng quý thay những đóa hoa bằng đá tí hon với tất cả sự tinh xảo của bàn tay con người. Tội tưởng tượng hàng ngàn nghệ nhân miệt mài trong cơn rét mùa đông của Bắc Ấn và nắng lửa của những ngày hè có khi lên đến gần 50 độ C. Những nghệ nhân khuyết danh đó thật ra đã làm một điều mà Thiên tông hay nói, họ đã hòa làm một với tác phẩm chính mình.

Ngày nay Taj Mahal tại Agra là chỗ không thể thiếu cho mọi ai có dịp đến Ấn Độ, mỗi năm đền tiếp khoảng 2,5 triệu khách du lịch. Số lượng người to lớn đó vô tình đã làm đền hư hại không ít. Chỉ hơi thở của khách đã tạo nên một độ ẩm trong đền cao tới mức có khả năng làm rỉ sét các khung sắt giữ mặt đá cẩm thạch. Các nhân tố môi trường khác như hóa chất và khí thải cũng để lại những vết tích nặng nề. Ngày nay xung quanh Taj Mahal trong bán kính 100km không có nhà máy phát điện hay cơ xưởng cơ khí và hóa chất nào được xây dựng. Nhờ những biện pháp đó mà ngày nay đền vẫn còn giữ được vẻ đẹp vô song, đá cẩm thạch vẫn còn trắng tinh khiết.

Tôi đã đến Taj Mahal hai lần để ngắm tác phẩm kiến trúc dành cho tình yêu vĩnh cửu này, nhưng tiếc thay không có lần nào vào ban đêm có trăng. Người ta cho rằng phải thấy Taj Mahal dưới ánh trăng, lúc đó ngôi đền cẩm thạch trắng này sẽ toát ra một ánh sáng kỳ ảo. Trên đường xe bus về lại khách sạn buổi tối tôi ngồi cạnh một thương nhân người Mỹ. Khuya nay phải lên đường đi châu Âu, ông tận dụng ngày rảnh hiếm hoi hôm nay để thăm đền thờ này. Thấy ông lên đường về nước, tôi bỗng nhận ra mình không còn ham thích lên máy bay về Đức như những ngày đầu nữa, nước Ấn Độ đang hé mở cho tôi nhiều điều kỳ diệu.

Tôi không thiếu những ngày rảnh rỗi tại Delhi vì phải lưu lại dài ngày nơi đó, công việc đã đi vào giai đoạn triển khai công trình. Ngày nọ tôi bỗng nhớ tại sao mình không tìm xem các di tích Phật giáo tại Ấn Độ và hỏi một bạn đồng nghiệp có kinh nghiệm lâu năm tại đây xem sao, người đó nhìn tôi nói:

- Phật giáo đâu còn gì tại đây nữa, nếu rảnh thì đi xem Red Fort đi.

Tôi không tin và xem lại các tour du lịch quảng cáo trong khách sạn, quả nhiên không thấy ai nhắc đến Phật giáo cả.

Phật giáo xuất phát từ Ấn Độ sao nay suy tàn, đó là điều không thể, tôi vẫn không tin là đúng. Ngày trước Huyền Trang qua Ấn Độ thỉnh kinh và ngày nay tôi vẫn nghe các tu sĩ Việt Nam qua Ấn Độ học triết học Phật giáo mà. Nghĩ thế nhưng tôi không biết làm gì hơn là đi xem Red Fort.



**Red Fort** chính là kinh thành do Shah Jahan xây dựng năm 1638. Đó là một tổng thể một thành quách đồ sộ có diện tích khoảng nửa cây số vuông dựng lên bằng đá ong đỏ nằm ngay giữa Delhi. Tôi nhớ màu đỏ tía Tử Cấm Thành của Bắc Kinh. Đời Shah Jahan tại Ấn Độ chính là triều nhà Minh cũng với những công trình xây dựng đồ sộ tại Trung Quốc. Red Fort có qui mô không thua kém gì Tử Cấm Thành nhưng nếu Tử Cấm Thành là qui mô của triều đình có nhiều cung điện nằm

rời nhau thì Red Fort là hành dinh có tính chất quân sự nên có kiến trúc như một thành quách với vô số ngõ ngách thông thương lẫn nhau.

Thế nhưng, phía sau những bức tường thành vĩ đại đó đã diễn ra những âm mưu và tội lỗi, kể cả trong một xứ sùng tín như Ấn Độ. Shah Jahan để lại cho đời sau những kiến trúc tầm cỡ nhưng ông bị chính con trai của mình là Aurangzeb cầm tù đoạt ngôi. Trong tám năm cuối đời ông bị con mình giam ở Agra, cũng trong một thành quách to lớn. May thay ông còn điểm phúc được ngày ngày ngắm nhìn Taj Mahal từ cung điện tù ngục của mình Trong truyền thống vua chúa Ấn Độ ta thấy lịch sử lặp đi lặp lại nhiều lần chuyện con giết cha giành ngôi.

Chuyện con ám hại cha đoạt ngôi vàng được nhiều biết nhất là Tần-bà-sa-la, nhà vua trị vì nước Ma-kiệt-đà trong thời Phật tại thế. Ông và hoàng hậu về sau bị con trai là A-xà-thế cầm tù bỏ đói đến chết. Tần-bà-sa-la là người theo Phật, ông tôn trọng Ngài đến nỗi khi lên núi Linh Thứu thăm Phật, ông luôn luôn xuống xe đi bộ. Tôi đã từng đến cung điện mà ngày xưa nghe nói Tần-bà-sa-la bị giam ở đây, ngày nay chỉ còn nền đá. Nơi đây tôi thấy vài vòng sắt còn sót lại, người ta cho rằng đó là vòng sắt cùm chân nhà vua ngày trước. Tôi không tin lắm vì thật như thế thì đã có kẻ sớm đánh cắp lưu vật mấy ngàn năm này nằm giữa một sườn núi trơ trọi, không ai canh giữ. Nhưng hề gì chuyện đó đúng hay sai, ai cũng đã chết, vấn đề là mỗi người để lại những gì cho hậu thế. Ngày nay người ta còn nhắc đến Tần-bà-sa-la khi đi thăm vườn tre Trúc Lâm, quà tặng của ông cúng dường Phật. Cả A-xà-thế cũng còn được tôn trọng vì về sau, người con phạm tội ngũ nghịch đó đã tỉnh ngộ và phụng sự Phật pháp. Ông chính là người xây dựng thuyết đường cho hội nghị kết tập lần thứ nhất sau khi Phật diệt độ.

Tội lỗi là điều không thể tránh khỏi của cuộc đời làm người. Nhà thơ lớn Goethe của Đức đã từng nói: "*Đời tôi chưa gặp ai mà tội lỗi của họ tôi không thể làm*". Khiêm tốn biết bao và cũng thẳng thắn biết bao! Con người sinh ra hình như có một xu hướng nhất định sẽ làm những điều này điều nọ, xấu tốt đều có. Nó phải tuân thủ những xu hướng đó và cơ may của nó là qua những hành động hay dở của mình mà ngộ ra vài điều cho đời mình. Vì nếu không thông qua tội lỗi để hiểu ngộ một cách thâm sâu cái thiện mỹ đích thực xuất phát từ trái tim mình thì cuộc đời xem ra không có ý nghĩa gì. Né tránh tội lỗi, tập làm thiên thần, đó là điều đạo lý nên làm, nhưng cũng dễ là bước đường đi vào trong bóng tối của ngu muội và ngã ái. Đó

là sự sai lầm chia thế giới làm hai phạm trù tốt xấu, đúng sai, xem sự vật như một hình ảnh đen trắng mà không biết rằng cuộc đời vốn đầy màu sắc và thiện ác là một điều hết sức tương đối và thường có nguồn gốc rất sâu xa.

Có những hành động cực ác nhưng nó phải xảy ra để ăn khớp với một mắc xích nào đó của sự vật, để một biến cố khác xuất hiện. Muốn hiểu những điều đó phải có một tầm nhìn, thấy được những nguyên nhân nằm trong quá khứ xa xôi mà ngày nay nó mới bắt đầu trở quả. Con người chúng ta chỉ có tầm nhìn của một kiếp người, thậm chí đầu óc không nhớ quá mười năm quá khứ, thế nhưng vẫn ngả mạn dám lên án và đánh giá, tưởng mình là kẻ thấu hiểu mọi vật. Muốn hiểu đích thực sự vật phải hiểu giềng mối của nó mà chỉ có thánh nhân thấy tác động của nghiệp lực qua nhiều đời nhiều kiếp mới đủ khả năng phán đoán. Phật là một người như thế và cũng chính vì thế mà Ngài lại là người không lên án ai cả và chỉ có một nụ cười bí ẩn. Thời A-xà-thế hãm hại cha mình là lúc Ngài còn tại thế nhưng Ngài đầu ra tay giải cứu. Học trò Ngài là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên bị ám sát thảm khốc nhưng Ngài không can thiệp. Con trai Ngài là La-hầu-la chết rất sớm nhưng Ngài vẫn tự nhiên.

Chỉ có những thánh nhân như Phật mới thấy rõ dòng chảy của nghiệp và vì vậy Ngài không xen vào hành động của A-xà-thế. Người ta biết A-xà-thế phạm tội giết cha nhưng ít người biết chuyện ông là hậu thân của một vị đạo sĩ. Ngày trước, vua cha là Tần-bà-sa-la nghe tiên tri rằng mình sắp có con trai nên cho người đi tìm một vị thánh nhân đạo cao đức trọng, bức tử vị đó để mong thần thức người đó thác sanh làm con mình. Tùy tùng của vua chọn ra vị đạo sĩ nọ, nhưng vị này chạy trốn, hóa thành con thỏ. Tần-bà-sa-la cho bắt con thỏ treo ngược, bỏ đói đến chết. Thỏ đầu thai làm con trai của Tần-bà-sa-la là A-xà-thế. Cuối cùng A-xà-thế treo ngược bỏ đói vua cha, đúng như nghiệp ác đã gây nên. Ta cũng biết thêm bà hoàng hậu Vi-đề-hi, vợ của Tần-bà-sa-la quá chán ngán cuộc đời làm người với hành động thảm khốc của con mình nên cầu xin Phật dạy cách thác sinh vào một nơi " thanh tịnh ". Nghe lời khẩn cầu của bà, Phật mới giảng kinh A-di-đà và thuyết về cõi tịnh độ. Từ đó ta có thể nói Tịnh Độ tông bắt nguồn từ những hành động ngộ nghịch của A-xà-thế.



### Đền Birla

Tôi vẫn không nghĩ là thủ đô Delhi mà lại không có đền tháp Phật giáo nào. Ngày nọ nghe nói phía tây thành phố có đền Birla là nơi thờ Phật, tôi vội lên xe ba bánh đi xem thử. Ở Ấn Độ cũng có xe " túc-túc " như của Thái Lan, xe đưa tôi đến một ngôi đền đồ sộ cách quảng trường Connaught chừng hai cây số, đó là đền Lakshmi-Narayan. Đền này do một gia tộc phú thương tên Birla xây năm 1938 nên thường mang tên đền Birla. Birla và Tata là hai gia tộc rất giàu có và thế lực của Ấn Độ từ cả trăm năm nay, chuyên buôn bán vải vóc tơ lụa.

Tại chân đền, ấn tượng đầu tiên làm tôi thú vị là hàng ngàn giày dép của khách thập phương ngổn ngang nằm dưới chân bậc cấp. Họ phải cởi giày dép khi vào đền, đó là điều bình thường, nhưng sao không ai sợ bị mất cắp trong một xứ nghèo như Ấn Độ. Hiển nhiên là tại đây cũng có đạo chích như mọi nơi trên thế giới nhưng xem ra những tay làm ăn bất thiện cũng biết sợ thánh thần. Đền Birla có thêm điều đặc biệt, đó là giày dép của người nước ngoài được giữ riêng và khuôn mặt của tôi xem ra không giống người bản xứ nên ban bảo vệ đưa tôi vào phòng đặc biệt, nhã nhặn yêu cầu cởi giày và tôi được đi chân trần trên đá cẩm thạch mát lạnh. Nhìn những bậc cấp bằng đá phần lớn bị mòn ở giữa, tôi mới hay đây là một chỗ hàng ngàn hàng vạn người đến chiêm bái.

Nhưng ở đây đâu có thờ Phật, đó là cảm nhận đầu tiên của tôi. Ngược lại phần lớn các tượng đều trình bày một vị nữ thần tươi cười, có sắc đẹp hấp dẫn, thân hình tròn trịa. Thế nhưng đi quanh trong đền chính, tôi nhận ra các bức bích họa trên tường cũng có trình bày lịch sử đức Phật cũng như sự tích tiền thân của Ngài. Đây rõ là một đền thờ Ấn Độ giáo vì bức tượng quan trọng nhất là tượng thần Krishna với bốn khuôn mặt nhìn ra bốn phía. Nhưng tại sao đền này lại mang tên Lakshmi, lại nhắc đến Phật Thích-ca, lại có một cái chuông đồng rất lớn đúc theo kiểu Phật giáo Trung Quốc? Tôi đang lạc giữa một rừng người đang thì thầm khấn vái, áo quần tươi đẹp. Cũng may là ngôi đền bốn phía thông gió nên khách hành hương không bị ngộp mùi hương khói, nhờ thế ta có thể ở lâu nhìn ngắm. Đây là lần đầu tiên tôi tiếp xúc với Ấn Độ giáo và đặc trưng của tôn giáo này là thờ phụng vô số thần thánh mà Lakshmi là một vị nữ thần.



**Lakshmi** là vị thần tượng trưng cho sắc đẹp và hạnh phúc. Bà là vợ của thần sáng tạo Vishnu, mẹ của thần Kama mà Kama thì chủ tình yêu và nhục cảm. Theo truyền thuyết, bà sinh ra từ sóng, khi biển cả bị A-tu-la phá phách, có sắc đẹp kiều diễm, tay cầm hoa sen. Lakshmi cũng là thần của giàu sang hạnh phúc nên được người Ấn Độ hay khẩn cầu. Vì thế tượng của Lakshmi diễn tả một phụ nữ sang trọng diễm lệ và cận nhân tình. Có lẽ đó chính là lý do tại sao đền Birla lúc nào cũng đông như ngày hội.

Khách hành hương thăm đền Birla xem ra không mấy ai để ý đến các bích họa nói về đạo Phật. Đối với tín đồ Ấn Độ giáo, Phật Thích-ca chỉ là một dạng tái sinh của thần Vishnu. Nhà thương nhân Birla chủ trương đưa mọi thần thánh vào đền để ai cũng được thờ cúng và khách hành hương muốn cầu khẩn đến ai cũng được.

Những điều vừa nói nghe qua rất tầm thường nhưng đó là điều ta cần biết khi đến Ấn Độ và khi muốn tìm hiểu về Ấn Độ giáo. Ấn Độ là một xã hội của tôn giáo, khắp nơi đều mang những dấu ấn khác nhau của tôn giáo. Thủ Tướng đầu tiên của Ấn Độ là Jawaharlal Nehru đã từng nói: " Ấn Độ là nhà thương điên, là viện tâm thần của các tôn giáo ", ông không nói đùa hån và dĩ nhiên cũng không hề khinh miệt. Đó là nơi mà các truyền thống tôn giáo tồn tại song hành với nhau, trong đó Ấn Độ giáo chiếm vị trí then chốt. Ấn Độ giáo khác hẳn các tôn giáo lớn trên thế giới ở chỗ nó không có một giáo chủ, một vị sáng lập mà đây là một hệ thống triết lý đồ sộ thành hình qua nhiều ngàn năm. Trong nền tôn giáo này ta có thể tìm thấy các vị thánh nhân minh triết nhất của nhân loại cũng như những niềm tin non nớt nhất của con người. Thế nhưng điều then chốt chung của Ấn Độ giáo là họ tin nơi một thể tính siêu việt nằm trên mọi hình tướng, thể tính đó là nguồn gốc của mọi hiện tượng, là thể đích thực của mọi dạng thánh thần. Vì những lẽ đó mà mọi thánh thần không hề làm tín đồ Ấn Độ giáo lạc lối, không ai cạnh tranh chướng ngại với ai, tất cả đều là thể hiện của thể tính đó, tất cả đều qui về một mối.

Nhiều nhà Phật học phương Tây coi đạo Phật là một phát biểu mới của Ấn Độ giáo, xếp đức Phật là " nhà phê phán "hay " người cải cách " của tôn giáo này. Để truyền bá giáo pháp của mình, đức Phật là người lấy lại nhiều khái niệm của Ấn Độ giáo như nghiệp lực, sự tái sinh, vô minh, nhưng đồng thời Ngài trình bày những nội dung mới về vô ngã, về tính Không, về trung đạo. Do đó mà cách xếp loại coi Phật giáo là một " nhánh " của Ấn Độ giáo có thể đúng về mặt phân tích nhưng theo tôi, điều quan trọng là hiểu được ý nghĩa của sự xuất hiện các thánh nhân trên trái đất, hiểu thông điệp của các vị đó cho con người.

Đối với tín đồ Ấn Độ giáo, Phật Thích-ca là một dạng của thần Vishnu, mọi thánh nhân trong mọi thời đại có lẽ đối với họ cũng thế thôi. Đối với Ấn Độ giáo, Brahman là thực thể cuối cùng vũ trụ, là cái mà Phật giáo gọi là Pháp thân, Lão giáo gọi là Đạo. Phật hay các thánh nhân xưa nay là hiện thân của thể tính sáng láng, diệu dụng và cũng rất từ bi đó, các vị là những ứng hóa thân xuất hiện làm đạo sư cho trời và người. Các vị thầy đó sinh ra thời nào thì phải mang y phục, phải nói ngôn ngữ, phải theo phong tục của người đương thời, họ phải làm sao cho người đời hiểu mình mới có thể giáo hóa. Các vị đó có thể là vua chúa như Phật Thích-ca, là người chịu cực hình như Chúa Jesus, là nhà du ca như Milarepa. Ngày nay các vị đó cũng có thể đang xuất hiện dưới dạng của nhà khoa học, người nghệ sĩ, kẻ điên khùng..., họ không nhất thiết phải cạo đầu, phải mặc áo quần tu sĩ và không cần người đời biết đến. Chỉ " Phật mới nhận ra Phật, bồ-tát mới nhận ra bồ-tát ". Sai lầm thay khi ta dựa vào con người - dù đó là những vị giáo chủ - mà tranh chấp hơn thua, bỏ quên nội dung giáo lý. Đức Phật đã dạy từ hơn hai mươi lăm thế kỷ trước trong " bốn y cứ ", là " y pháp bất y nhân ", hãy lấy nội dung giáo lý làm chuẩn. Và giáo lý Ấn Độ giáo, cũng như Phật giáo, cũng như mọi nền minh triết của châu Á đều tin rằng, thế giới này là dạng xuất hiện của một thực thể khác mà tự tính của nó là nhất như, siêu việt trên tất cả mọi dạng hiện tượng và tư duy.

Được đi chân trần trên đá cẩm thạch mát lạnh, tôi thấy mình đã quên công việc thương nhân đầy phiền toái, lòng tôi đầy cảm hứng tâm linh. Trên đường ra đền, nữ thần Lakshmi nhìn tôi tươi cười, hình như bà chúc tôi giàu sang hạnh phúc. Đi xuống bậc cấp đầy giày dép, tôi bị khói xăng của xe " túc túc " kéo về

thực tại. Thế nhưng tôi chưa lên xe vội vì cạnh đền Birla có một ngôi đền nhỏ, nó đột nhiên kích thích sự chú ý của tôi. Tôi muốn vào xem.

Thì ra đó là một ngôi đền Phật giáo không ai lui tới và xem ra tôi là khách duy nhất vào thăm đền hôm đó. Tôi nghĩ không sai, Phật giáo chưa hoàn toàn diệt vong trên đất Ấn. Tôi dè dặt đi vào giữa hai hàng cây nhỏ như cây trà của ta. Trong đền, giữa một tòa nhà nhỏ hình vuông bốn bề mở cửa, một bức tượng Thích-ca bằng đồng đen ngồi yên lặng mỉm cười trong ánh nến mờ, ngoài kia là tiếng huyền não của tín đồ đang cầu giàu sang và nhan sắc. Tôi thấy lòng tĩnh lặng, xung quanh tôi là những bức bích họa về cuộc đời đức Phật mà nội dung tôi đã biết qua. Chỉ cách đền Birla mấy bước mà tôi như đi qua một thế giới khác, nơi đây tôi tự động nhớ rằng không có gì hấp dẫn và chóng phai nhạt hơn tiền bạc và sắc đẹp. Tôi ngắm tượng Phật, Ngài mỉm cười bí ẩn, hình như Ngài nhìn vào bên trong để thấy bên ngoài và vì thế nhìn cuộc đời một cách hóm hỉnh. Vị trụ trì chùa tiếp tôi, vui mừng biết tôi là người Việt Nam, ông đã gặp các tu sĩ người Việt đi từ miền Nam gần 30 năm trước. Biết tôi là thương nhân xem ra ông ngạc nhiên sao không thấy tôi khấn cầu vị nữ thần của phú quý bên kia đền mà lại đến đây thắp một nén hương trước tượng đồng đen. Có lẽ vì thế mà ông quý tôi, tặng nhiều sách vở và giới thiệu với các vị tu sĩ trẻ tuổi người Nepal đang học tập trong đền.

Hồi đó tôi không hề ngờ là gần mười năm sau mình sẽ đi Nepal thăm quê hương đức Thích-ca.

Nguyễn Tường Bách

#### Vài hàng về tác giả:

Tiến sĩ Nguyễn Tường Bách (sinh năm 1948 tại Huế) là một nhà khoa học vật lý, doanh nhân và dịch giả nổi tiếng với các tác phẩm giao thoa giữa khoa học hiện đại và triết lý Phật giáo.

#### Tiểu sử và Sự nghiệp

- Sinh năm 1948 tại Huế: Ông lớn lên tại quê hương, sau đó sang Đức du học ngành xây dựng vào năm 1967 và tiếp tục nghiên cứu vật lý.
- Tiến sĩ Vật lý tại Đức: Ông bảo vệ thành công luận án tiến sĩ ngành vật lý tại Đại học Stuttgart vào năm 1979.
- Sự nghiệp doanh nhân: Ông từng giữ các vị trí quản lý và giám đốc điều hành tại tập đoàn quốc tế ABB cùng các công ty thương mại lớn trước khi quay về với nghiên cứu tâm linh và viết sách.

#### Tác phẩm và Bài viết tiêu biểu

- Mùi Hương Trầm: Ký sự ghi lại chuyến hành hương qua các vùng đất linh thiêng tại Ấn Độ, Trung Quốc và Tây Tạng, đan xen suy ngẫm về thế giới hiện đại.
- Lưới Trời Ai Dệt?: Cuốn sách nổi bật đúc kết những suy ngẫm triết học sâu sắc về cuộc sống dưới góc nhìn tĩnh thức.
- Các bản dịch và tiểu luận: Ông dịch nhiều đầu sách triết học - tâm linh giá trị như Đạo của vật lý, Con đường mây trắng và có nhiều bài viết chiêm nghiệm được đăng tải trên các chuyên trang như Giác Ngộ Online hay kho tàng bài viết của ông tại Thư Viện Hoa Sen.

Bạn nào muốn đọc thêm cuốn tiểu luận **'Lưới Trời Ai Dệt?'** của GS Nguyễn Tường Bách xin vào đây:

<https://thuvienhoasen.org/a17438/luoi-troi-ai-diet>

Bài ký sự 'Mùi Hương Trầm' của GS Nguyễn Tường Bách gồm 5 phần. Trên đây phần thứ nhất bài ký sự của ông